TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14/01/2026.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Tuấn Hải.
2. Bà Vũ Thị Đào.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 -An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên toà*: Ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 193/2025/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025, về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 346/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 260/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị L - sinh năm 1997, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Danh L1 - sinh năm 1996, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2025, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Võ Thị L như sau:

Bà và ông Danh L1 sống chung từ năm 2014 nhưng không tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, ông bà đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 25/7/2018.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc từ năm 2014 đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cự cãi vì mâu thuẫn rất nhiều vấn đề như: về tiền bạc (ông L1 đi làm về không đưa tiền mua đồ dùng trong gia đình), về công việc (khi bà đi làm thì ông L1 nói bà đi kiếm trai, bà ở nhà thì ông L1 chửi bà ăn bám), ngoài ra còn bà mâu thuẫn với gia đình chồng. Anh chị em bên chồng và mẹ chồng không hạp với bà vì họ thường kiếm chuyện chửi và hâm đánh bà, còn chồng bà nghe lời mẹ nên không quan tâm bà. Từ tháng 7 năm 2023 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và bà không còn tình cảm với ông Danh L1 nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Danh L1.

Thời gian chung sống vợ chồng ông bà có 02 người con chung tên Danh Thị Kim D – sinh ngày 03/6/2015 và Danh K – sinh ngày 01/4/2021, hiện nay bà đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Danh L1.

Về con chung: Bà xin nuôi con chung tên Danh Thị Kim D – sinh ngày 03/6/2015 và Danh K – sinh ngày 01/4/2021. Bà không yêu cầu ông Danh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Danh L1 đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Danh L1 không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông Danh L1.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do là không tuân thủ pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụg dân sự xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Võ Thị L được ly hôn với ông Danh L1. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Danh Thị Kim D – sinh ngày 03/6/2015 và Danh K – sinh ngày 01/4/2021 cho bà Võ Thị L tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Võ Thị L và ông Danh L1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Ông Danh L1 là bị đơn trong vụ án, ông Danh L1 có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay ông Danh L1 vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Danh L1 vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do

nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Danh L1.

Bà Võ Thị L có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà Võ Thị L không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử cũng như nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Võ Thị L.

[2] Về hôn nhân: Bà Võ Thị L và ông Danh L1 sống chung từ năm 2014 nhưng không tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 96/2018, ngày 25/7/2018, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà Võ Thị L và ông Danh L1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà Võ Thị L và ông Danh L1 là hôn nhân tự nguyện, ông bà sống hạnh phúc khoảng 08 năm và có 02 người con chung nhưng vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Bà Võ Thị L cho rằng vợ chồng thường xuyên cự cãi vì mâu thuẫn rất nhiều vấn đề như: về tiền bạc (ông L1 đi làm về không đưa tiền mua đồ dùng trong gia đình), về công việc (khi bà đi làm thì ông L1 nói bà đi kiếm trai, bà ở nhà thì ông L1 chửi bà ăn bám). Ngoài ra, bà còn mâu thuẫn với gia đình chồng. Anh chị em bên chồng và mẹ chồng không hạp với bà vì họ thường kiếm chuyện chửi và hâm đánh bà, còn chồng bà nghe lời mẹ nên không quan tâm bà. Từ tháng 7 năm 2023 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Ngày 20/11/2025 và ngày 08/12/2025, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Danh L1 vắng mặt. Xét thấy, vợ chồng ông bà đã ly thân tính đến ngày xét xử đã hơn 02 năm, trong thời gian ly thân bà L và ông Danh L1 không còn liên lạc với nhau, khi Tòa án mời ông Danh L1 đến Tòa án để hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ thì ông D1 L1 không có mặt cho thấy ông không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Bà Võ Thị L cương quyết xin ly hôn với ông Danh L1 và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Danh L1, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị L.

[4] Về con chung: Bà Võ Thị L và ông Danh L1 có 02 người con chung tên Danh Thị Kim D – sinh ngày 03/6/2015 và Danh K – sinh ngày 01/4/2021, hiện nay bà Võ Thị L đang nuôi dưỡng.

Ông Danh L1 không có ý kiến về quyền nuôi con. Bà Võ Thị L xin nuôi con chung tên Danh Thị Kim D – sinh ngày 03/6/2015 và Danh K – sinh ngày 01/4/2021, cháu D có nguyện vọng sống chung với mẹ nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị L.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Võ Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003487, ngày 08/10/2025, của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L.

Về hôn nhân: Xử cho bà Võ Thị L ly hôn với ông Danh L1.

Về con chung: Giao cháu Danh Thị Kim D – sinh ngày 03/6/2015 và Danh K – sinh ngày 01/4/2021 cho bà Võ Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Danh L1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được phép cản trở ông thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Võ Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0003487, ngày 08/10/2025, của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND cùng cấp;
-THADS;
-Các đương sự;
-UBND xã Định Hòa;
-Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang